

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1575/STC-QLNS ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: "*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh*" (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2022/NĐ-CP về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, thay thế cho Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và bãi bỏ Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số

loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Điều này dẫn đến một số quy định trong Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND không còn phù hợp. Ngoài ra, qua thực tiễn công tác phân bổ dự toán chi thường xuyên trong năm 2022, năm 2023 cũng phát sinh một số bất cập, vướng mắc liên quan đến định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND.

Từ những vấn đề nêu trên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁾; khoản 3 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với các nội dung có trong dự thảo Nghị quyết và quy định của pháp luật.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại nội dung sau:

3.1. Đề nghị xem xét, bổ sung một số căn cứ pháp lý ban hành sau cho đầy đủ, đúng quy định:

- "*Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

- "*Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022*".

3.2. Điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (*dự kiến sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-*

⁽¹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

HĐND) quy định⁽²⁾: "*Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các cơ quan Đảng trực thuộc): 3*". Sở Tư pháp nhận thấy, Văn phòng Tỉnh ủy không có cơ quan trực thuộc. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại quy định trên để đảm bảo phù hợp với thực tế tổ chức của Văn phòng Tỉnh ủy. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, kiểm tra, xác định các cơ quan khác của đảng (*Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Nội chính; Ban Dân vận*) có là đơn vị dự toán trực thuộc hay không là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy. Trên cơ sở kiểm tra, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh có quy định phù hợp.

3.3. Điểm c khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định phân bổ kinh phí cho một số nhiệm vụ chi không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù của các ngành, lĩnh vực. Theo đó, Sở Tư pháp được phân bổ kinh phí cho một số nhiệm vụ chi không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù là: tham gia, **thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật**, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chung của toàn tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì thực hiện. Cơ quan thẩm định nhận thấy, công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật không thực hiện chung cho toàn tỉnh (*việc thẩm định được thực hiện riêng khi có đề nghị của cơ quan chủ trì xây dựng*). Bên cạnh đó, kinh phí phục vụ công tác thẩm định hiện được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan thẩm định và được cấp hàng năm. Tuy nhiên, một số nhiệm vụ không thường xuyên khác của toàn tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì thực hiện không được dự kiến phân bổ kinh phí như nhiệm vụ kiểm tra, tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, của cơ quan nhà nước khác ở Trung ương...

Từ những lý do nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại quy định trên theo hướng sau: "*Kinh phí tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; kinh phí tham gia, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chung của toàn tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì thực hiện*".

3.4. Với dự kiến tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, **nội dung sau** được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND không còn: "*Định mức phân bổ ngân sách nhà nước phân bổ nêu trên đã bao gồm: kinh phí...bảo dưỡng thường xuyên tài sản*". Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định cần hay không cần tiếp tục tham mưu quy định nội dung trên. Trường hợp cần tiếp tục quy định, đề nghị bổ sung. Tương tự, với quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, các tiêu chí (*người*) và định mức phân bổ (*triệu đồng/người/năm*) tại ký hiệu (-) thứ hai, điểm a khoản 1 Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số

⁽²⁾ Để ngắn gọn, thuận tiện cho việc theo dõi, sau đây Sở Tư pháp chỉ viện dẫn điều, khoản, điểm trong dự thảo Nghị quyết.

58/2021/NQ-HĐND không còn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét.

3.5. Khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định: "*Hỗ trợ kinh phí thuê mướn để làm công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách đón tiếp thân nhân liệt sĩ*". Sở Tư pháp nhận thấy điểm b khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND quy định cụ thể đơn vị được hỗ trợ để thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND⁽³⁾. Với quy định tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết là chưa rõ đối tượng (*cơ quan, đơn vị*) được hỗ trợ kinh phí thuê mướn để làm công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách đón tiếp thân nhân liệt sĩ. Vì vậy, để đảm bảo cụ thể, minh bạch của quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ đối tượng (*cơ quan, đơn vị*) được hỗ trợ kinh phí thuê mướn để làm công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách đón tiếp thân nhân liệt sĩ.

3.6. Khoản 6 Điều 1 dự thảo dự kiến mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên là: Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo số lượng người làm việc **hưởng lương từ ngân sách nhà nước** do cấp có thẩm quyền giao và quy định hiện hành; chi thường xuyên theo định mức (*trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao*). Sở Tư pháp nhận thấy quy định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên được căn cứ vào số lượng người làm việc **hưởng lương từ ngân sách nhà nước** do cấp có thẩm quyền giao là chưa phù hợp với nguyên tắc xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được quy định khoản 3 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định về việc xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công được quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC và nguyên tắc xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 56/2022/TT-BTC để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cho phù hợp.

3.7. Tên khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh lý lại như sau cho chính xác: "*Sửa đổi, bổ sung đoạn cuối khoản 1 Điều 16 như sau:*".

3.8. Đề nghị bỏ đoạn: "*Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn*

⁽³⁾ Đơn vị được hỗ trợ là Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh.

tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021" tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết vì không cần thiết.

3.9. Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định: "*Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này... thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế*". Sở Tư pháp nhận thấy, toàn bộ dự thảo Nghị quyết không viện dẫn tới văn bản quy phạm pháp luật khác. Vì vậy, quy định trên là không cần thiết, đề nghị loại bỏ.

3.10. Đối với định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ ngân sách được Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quy định và thực tế của địa phương để tính toán, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định định mức phân bổ được dự kiến*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽⁴⁾; Mẫu số 36 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý tới nội dung đã được Sở Tư pháp trình bày tại điểm 3.4 mục 3 của Báo cáo này⁽⁵⁾.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁽⁶⁾ (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020*).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy

⁽⁴⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ

⁽⁵⁾ Một số quy định trong Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND không còn khi sửa đổi, bổ sung như dự thảo.

⁽⁶⁾ Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 122 được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

ban nhân dân tỉnh xem xét, **đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi** theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁷⁾.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: *“Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh”*. Kính gửi Sở Tài chính theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu VT, XDKTr&PBPL/STP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Y Hòa

⁽⁷⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.